

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tôn Phước Thuận**;

2. Ông **Đặng Văn Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh AG không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 220/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Bích D, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp T T, thị trấn P M, huyện PT, tỉnh AG (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn N H, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp B T 1, xã H A, huyện C M, tỉnh AG (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích D trình bày: Chị và anh H do quen

biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2014, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H A, huyện C M, tỉnh AG. Trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nhưng vẫn sống chung trong nhà chỉ vì thương con, nhưng đến cuối năm 2019 thì chị về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, anh H không lo làm ăn để lo cho vợ con, chị có khuyên nhưng anh không sửa đổi. Anh chị không còn sống chung từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh B A, sinh ngày 25/4/2015; Nguyễn T B, sinh ngày 14/8/2017. Hiện các cháu đang sống chung với chị D, khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Bích D xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bích D xác định không có.

Anh Nguyễn N H đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Huỳnh Thị Bích D khởi kiện anh Nguyễn N H cư trú ấp B T 1, xã H A, huyện C M, tỉnh AG, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn N H đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị D và anh H sống chung với nhau vào năm 2014 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H A, huyện C M, tỉnh AG nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Chị D cho rằng anh H không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị có khuyên nhưng anh không sửa đổi. Chị và anh H không còn sống chung từ cuối năm 2019 cho đến nay. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được, chị D yêu cầu ly hôn với anh H, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn....” Tại phiên tòa, chị D xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh B A ,sinh ngày 25/4/2015; Nguyễn T B, sinh ngày 14/8/2017. Hiện các cháu đang sống chung với chị D, Khi ly chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy từ khi chị D, anh H không còn sống chung cho đến nay cháu B A, cháu T B sống chung với chị D. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu B A, cháu T B sống ổn định với chị D vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T B, cháu B A cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa chị D xác định không có. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Tại phiên tòa chị D xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị D, anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Huỳnh Thị Bích D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ

Khoản 1 Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 235, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Bích D.

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích D được ly hôn với anh Nguyễn N H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 201 ngày 20/10/2014 của Ủy ban nhân dân xã H A, huyện C M, tỉnh AG không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị Bích D được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh B A ,sinh ngày 25/4/2015; Nguyễn T B, sinh ngày 14/8/2017. Anh Nguyễn N H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị Bích D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn N H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Bích D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bích D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị D, anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Bích D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006714 ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh AG. Chị D không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- UBND xã H A, huyện C M, tỉnh AG.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**

